TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **278/**2023/HNGĐ - ST
-Ngày: 25/5/2023
- V/v: "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn**

2. Ông **Lê Anh Chiến**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Cao Thị Thùy Trang** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "*xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐST–HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983**

2. Bị đơn: **Võ Văn B, sinh năm 1984**

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

(chị A có đơn xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A trình bày:* Chị và anh B tự nguyện cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 17/01/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến năm 2019 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh, chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có con chung tên Võ Thị Thu C, sinh ngày 21/5/2003 (đã trưởng thành) và Võ Tuấn D, sinh ngày 22/11/2007 đang sống

với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi Võ Tuấn D và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Võ Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án*.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B. Đối với yêu cầu về con chung: cháu Võ Thị Thu C đã trưởng thành và Võ Tuấn D đang sống ổn định với chị A nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi Võ Tuấn D và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao chị A trực tiếp nuôi Võ Tuấn D. Các bên thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Chị A và anh B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 17/01/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự cùng thường trú tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nay chị A xin ly hôn với anh B, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị A yêu cầu xin ly hôn với anh B vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng

ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị A xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh B vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như không có văn bản thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Anh B và chị A có 02 con chung tên Võ Thị Thu C, sinh ngày 21/5/2003 (đã trưởng thành) và Võ Tuấn D, sinh ngày 22/11/2007 đang sống với chị A. Quá trình giải quyết vụ án, chị A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi Võ Tuấn D.

Xét thấy, cháu Võ Thị Thu C đã trưởng thành nên chị A không yêu cầu giải quyết và cháu Võ Tuấn D đang sống ổn định với chị A, cháu D cũng có nguyện vọng được sống với chị A; anh B vắng mặt và không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung do đó để đảm bảo cho cháu D có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị A trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn cũng như yêu cầu nuôi con chung, đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Võ Văn B

2. Về con chung:

+ Chị Nguyễn Thị Thúy A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Tuấn D, sinh ngày 22/11/2007;

+ Chị Nguyễn Thị Thúy A không yêu cầu anh Võ Văn B cấp dưỡng nuôi con.

+ Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025068 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.